

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 25/10/2021 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 16, 17/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 280 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 16, 17/10/2021 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học trực thuộc Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. (Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT2487	Hoàng Thị Kiều Anh	10/11/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	6,5	Đạt
2	CNTT2488	Nguyễn Hoàng Anh	04/07/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	5,5	Đạt
3	CNTT2489	Trần Gia Bảo	14/06/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
4	CNTT2490	Triệu Gia Bảo	26/09/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,5	Đạt
5	CNTT2491	Nông Hồng Bộ	12/12/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,7	7,5	Đạt
6	CNTT2492	Nông Văn Cảnh	10/11/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
7	CNTT2493	Hạ Thùy Dung	01/08/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	5,5	Đạt
8	CNTT2494	Bế Quang Dũng	21/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt
9	CNTT2495	Triệu Vũ Duy	01/11/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,0	Đạt
10	CNTT2496	Hoàng Văn Đạt	06/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
11	CNTT2497	Mã Văn Đến	01/01/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt
12	CNTT2498	Vương Tiến Đoàn	23/11/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
13	CNTT2499	Hoàng Văn Đông	21/04/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt
14	CNTT2500	Hứa Minh Đức	23/06/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
15	CNTT2501	Nông Việt Đức	08/07/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
16	CNTT2502	Lộc Thế Hanh	24/09/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,0	Đạt
17	CNTT2503	Nông Văn Hại	26/03/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt
18	CNTT2504	Nguyễn Thị Minh Hằng	15/12/1984	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt
19	CNTT2505	Lương Đức Hiệp	05/04/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
20	CNTT2506	Hứa Trọng	Hiếu	03/12/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,5	Đạt
21	CNTT2507	Nông Thị	Hoa	03/04/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
22	CNTT2508	Hứa Minh	Hòa	13/07/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
23	CNTT2509	Lâm Thu	Hoài	10/10/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
24	CNTT2510	Lăng Viết	Hoàng	20/09/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
25	CNTT2511	Lý Việt	Hoàng	30/12/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt
26	CNTT2512	Vy Quốc	Hoàng	17/04/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
27	CNTT2513	Chu Thế	Hưng	25/07/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
28	CNTT2514	Hứa Văn	Kết	27/03/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt
29	CNTT2515	Lương Văn	Khoa	07/08/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	Đạt
30	CNTT2516	Hứa Chung	Kiên	20/03/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
31	CNTT2517	Hoàng Trung	Kiên	09/01/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
32	CNTT2518	Triệu Thúy	Kiều	10/05/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
33	CNTT2519	Hà Tùng	Lâm	21/08/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,0	5,0	Đạt
34	CNTT2520	Lăng Hoài	Lan	14/10/2006	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	5,0	Đạt
35	CNTT2521	Bế Thanh	Long	21/5/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,0	Đạt
36	CNTT2522	Hoàng Minh	Luận	22/09/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,0	Đạt
37	CNTT2523	Chu Duy	Mạnh	08/07/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
38	CNTT2524	Hoàng Văn	Mạnh	20/05/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,5	Đạt
39	CNTT2525	Lưu Đức	Mạnh	30/06/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
40	CNTT2526	Phù Thanh	Minh	05/04/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
41	CNTT2527	Hoàng Văn	Nam	19/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	5,5	Đạt
42	CNTT2528	Hà Thị	Nâm	21/08/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
43	CNTT2529	Đinh Thị Tổ	Nga	11/11/2006	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	5,0	Đạt
44	CNTT2530	Lăng Như	Nguyệt	18/05/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt
45	CNTT2531	Triệu Thị	Nguyệt	01/08/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
46	CNTT2532	Hoàng Thị Hoài	Nhi	25/12/2006	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	5,0	Đạt
47	CNTT2534	Lộc Bảo	Phúc	04/07/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt
48	CNTT2535	Hứa Thị	Sinh	10/07/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt
49	CNTT2536	Long Thanh	Son	11/01/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt
50	CNTT2537	Hà Văn	Son	20/12/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
51	CNTT2538	Ngụy Văn	Sự	06/08/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt
52	CNTT2539	Vi Đức	Thắng	17/11/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,0	Đạt
53	CNTT2540	Hoàng Văn	Thành	08/12/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt
54	CNTT2541	Lương Văn	Thành	12/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,7	5,5	Đạt
55	CNTT2542	Chu Văn	Thành	29/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt
56	CNTT2543	Đoạn Quang	Thành	30/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
57	CNTT2544	Hoàng Trung	Hiếu	07/11/1993	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,0	8,0	Đạt
58	CNTT2545	Nông Đức	Khải	19/07/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt
59	CNTT2546	Hoàng Đức	Khanh	07/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt
60	CNTT2547	Nông Minh	Khởi	20/11/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,0	Đạt
61	CNTT2548	Lăng Thị Hiền	Nương	16/08/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
62	CNTT2549	Mã Văn	Quyến	14/02/2005	Bình Phước	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
63	CNTT2550	Hà Quang	Thới	20/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
64	CNTT2551	Hoàng Văn	Thu	26/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
65	CNTT2552	Hoàng Thanh	Thủy	18/06/2006	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt
66	CNTT2553	Hoàng Minh	Tiến	08/12/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,0	Đạt
67	CNTT2554	Chu Đức	Toàn	17/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
68	CNTT2555	Lăng Quốc	Toản	22/11/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
69	CNTT2556	Hoàng Văn	Trí	09/12/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
70	CNTT2557	Hứa Quốc	Trọng	13/12/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
71	CNTT2558	Hứa Văn	Tuân	24/08/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	5,5	Đạt
72	CNTT2559	Hoàng Anh	Tuấn	11/06/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,0	Đạt
73	CNTT2561	Nông Chí	Tuệ	04/07/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
74	CNTT2562	Bế Thanh	Tùng	08/12/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt
75	CNTT2563	Hoàng Vũ	Tùng	04/08/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt
76	CNTT2564	Hứa Minh	Tuyến	29/05/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,0	Đạt
77	CNTT2566	Triệu Quang	Vinh	02/01/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt
78	CNTT2567	Nông Anh	Vĩnh	30/10/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,0	Đạt
79	CNTT2568	Hứa Thị Phương	Vy	15/09/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
80	CNTT2569	Chu Thị	Yến	28/09/2006	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	5,5	Đạt
81	CNTT2570	Hoàng Thị	Yến	09/02/2006	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	Đạt
82	CNTT2571	Nguyễn Hải	Yến	18/12/2006	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
83	CNTT2572	Hoàng Thị Nguyệt Anh	10/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
84	CNTT2573	Hoàng Tiến Anh	16/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
85	CNTT2574	Nguyễn Thị Vân Anh	02/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt
86	CNTT2575	Hoàng Minh Ánh	15/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
87	CNTT2576	Nguyễn Thị Bích	24/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt
88	CNTT2577	Nông Ngọc Bích	10/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	5,5	Đạt
89	CNTT2578	Nguyễn Thị Bình	20/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
90	CNTT2579	Lành Minh Chiến	05/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
91	CNTT2580	Lục Văn Chiến	16/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,5	Đạt
92	CNTT2581	Phạm Ngọc Chiến	13/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
93	CNTT2582	Phùng Quang Chính	14/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt
94	CNTT2583	Lương Thị Chúc	08/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
95	CNTT2584	Đặng Hữu Cường	23/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
96	CNTT2585	Hoàng Mạnh Cường	22/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt
97	CNTT2586	Triệu Quốc Cường	25/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
98	CNTT2587	Trương Mạnh Cường	17/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
99	CNTT2588	Lê Thị Diêm	10/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,0	Đạt
100	CNTT2589	Hoàng Văn Dũng	04/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt
101	CNTT2590	Vì Tuấn Dũng	18/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
102	CNTT2591	Hồ Minh Duy	27/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
103	CNTT2592	Lý Khánh Duy	22/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
104	CNTT2593	Chu Thị	Duyên	19/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,0	5,5	Đạt
105	CNTT2594	Lê Quý	Dương	11/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt
106	CNTT2595	Nông Hoàng	Dương	08/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,0	Đạt
107	CNTT2596	Vi Thị	Đào	02/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	5,5	Đạt
108	CNTT2597	Đàm Thành	Đạt	14/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	6,0	Đạt
109	CNTT2598	Hoàng Duy	Đạt	12/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
110	CNTT2599	Hoàng Tấn	Đạt	13/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
111	CNTT2600	Lý Tuấn	Đạt	11/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
112	CNTT2601	Phùng Văn	Đạt	06/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt
113	CNTT2602	Phùng Văn	Đạt	21/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,0	Đạt
114	CNTT2603	Triệu Tiến	Đạt	26/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
115	CNTT2604	Nguyễn Hải	Đăng	19/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
116	CNTT2605	Nguyễn Khánh	Đăng	13/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt
117	CNTT2606	Lý Quốc	Đoan	03/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
118	CNTT2607	Vi Khánh	Đoàn	18/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
119	CNTT2608	Nguyễn Minh	Đức	05/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
120	CNTT2609	Triệu Đại	Hải	14/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
121	CNTT2610	Triệu Thị	Hạnh	25/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	Đạt
122	CNTT2611	Vi Thanh	Hiền	17/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
123	CNTT2612	Vy Thu	Hiền	25/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt
124	CNTT2613	Lương Thế	Hiển	14/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
125	CNTT2614	Hà Trung	Hiếu	07/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
126	CNTT2615	Hoàng Trung	Hiếu	02/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
127	CNTT2616	Nguyễn Văn	Hiếu	13/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,7	5,5	Đạt
128	CNTT2617	Nguyễn Xuân	Hình	17/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
129	CNTT2618	Hoàng Thị	Hoài	28/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
130	CNTT2619	Triệu Văn	Hoàn	20/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt
131	CNTT2620	Triệu Văn	Hoàng	10/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
132	CNTT2621	Vì Việt	Hoàng	29/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt
133	CNTT2622	Vy Cát Duy	Hoàng	19/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
134	CNTT2623	Mè Văn	Hội	14/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
135	CNTT2624	Lăng Thị	Hồng	25/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
136	CNTT2625	Mã Văn	Huân	01/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt
137	CNTT2626	Hoàng Thị	Huệ	20/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
138	CNTT2627	Hoàng Văn	Hùng	06/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	5,0	Đạt
139	CNTT2628	Triệu Phi	Hùng	10/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt
140	CNTT2629	Chung Văn	Huy	02/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt
141	CNTT2630	Nguyễn Quang	Huy	26/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
142	CNTT2631	Hà Thanh	Huyền	06/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
143	CNTT2632	Phạm Hải	Huyền	14/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
144	CNTT2633	Nguyễn Mạnh	Hưng	09/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
145	CNTT2634	Lê Thị	Hường	02/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
146	CNTT2635	Lê Quang	Hữu	21/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt
147	CNTT2636	Lê Văn	Hữu	02/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
148	CNTT2637	Ngô Văn	Khải	13/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
149	CNTT2638	Phạm Trọng	Khải	03/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
150	CNTT2639	Hoàng Quang	Khánh	12/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
151	CNTT2640	Lương Minh	Khoa	08/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,0	Đạt
152	CNTT2641	Trần Đăng	Khoa	26/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
153	CNTT2642	Hoàng Văn	Khởi	17/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
154	CNTT2643	Lưu Trung	Kiên	12/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
155	CNTT2644	Nguyễn Xuân	Lễ	04/01/2004	Hung Yên	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
156	CNTT2645	Nguyễn Thị	Lệ	25/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
157	CNTT2646	Nông Thủy	Liên	10/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,0	Đạt
158	CNTT2647	Đỗ Duy	Linh	28/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
159	CNTT2648	Trương Văn	Linh	09/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
160	CNTT2649	Vy Thị Diệu	Linh	11/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt
161	CNTT2650	Hoàng Hải	Long	16/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
162	CNTT2651	Nguyễn Đức	Long	08/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
163	CNTT2652	Vũ Văn	Long	02/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
164	CNTT2653	Ngô Văn	Lợi	11/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
165	CNTT2654	Hoàng Văn	Lượng	23/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
166	CNTT2655	Linh Thùy	Ly	01/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
167	CNTT2656	Lê Đức Mạnh	04/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
168	CNTT2657	Lê Đức Mạnh	09/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt
169	CNTT2658	Hứa Văn Minh	16/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
170	CNTT2659	Lý Đức Minh	04/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt
171	CNTT2660	Nguyễn Công Minh	08/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
172	CNTT2661	Vi Thị Trà My	22/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt
173	CNTT2662	Hoàng Duy Nam	13/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
174	CNTT2663	Thân Linh Nga	29/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
175	CNTT2664	Chung Đức Nghi	05/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
176	CNTT2665	Trần Minh Nghĩa	12/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
177	CNTT2666	Lê Thị Ngọc	12/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt
178	CNTT2667	Nguyễn Bá Ngọc	30/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
179	CNTT2668	Lăng Thị Nguyệt	09/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,0	6,0	Đạt
180	CNTT2669	Triệu Tú Nhân	13/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt
181	CNTT2670	Hứa Thị Yến Nhi	10/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt
182	CNTT2671	Lê Bá Nhiên	07/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
183	CNTT2672	Phan Thị Hồng Nhung	07/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt
184	CNTT2673	Đỗ Văn Phan	13/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
185	CNTT2674	Đặng Phong	20/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
186	CNTT2675	Lạc Tiên Phong	04/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	6,5	Đạt
187	CNTT2676	Hoàng Thu Phương	17/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
188	CNTT2677	Lê Thu Phương	01/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
189	CNTT2678	Ngô Hoài Phương	28/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt
190	CNTT2679	Nông Thị Minh Phượng	19/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt
191	CNTT2680	Đinh Hoàng Duy Quang	06/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt
192	CNTT2681	Vi Nhật Quang	05/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
193	CNTT2682	Hoàng Văn Quân	22/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,5	Đạt
194	CNTT2683	Linh Ngọc Quân	25/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt
195	CNTT2684	Nguyễn Minh Quân	11/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
196	CNTT2685	Triệu Minh Quân	08/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
197	CNTT2686	Lương Văn Quốc	30/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,0	Đạt
198	CNTT2687	Lý Văn Quý	07/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
199	CNTT2688	Đoàn Ngọc Quỳnh	04/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt
200	CNTT2689	Dương Thị Quỳnh	13/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
201	CNTT2690	Luận Văn Quỳnh	20/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
202	CNTT2691	Phương Thị Sen	25/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	6,5	Đạt
203	CNTT2692	Trần Xuân Sơn	26/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
204	CNTT2693	Hoàng Thanh Tâm	24/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
205	CNTT2694	Dương Thị Thanh	18/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
206	CNTT2695	Nguyễn Phương Thanh	20/12/2004	Hà Nội	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt
207	CNTT2696	Nguyễn Văn Thanh	01/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
208	CNTT2697	Lê Hoàng Thành	29/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
209	CNTT2698	Lục Bích Thảo	13/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,5	Đạt
210	CNTT2699	Phạm Văn Thảo	07/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
211	CNTT2700	Phan Thị Thảo	01/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
212	CNTT2701	Phùng Thị Phương Thảo	12/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
213	CNTT2702	Nguyễn Văn Thắng	04/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt
214	CNTT2703	Lâm Văn Thân	15/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
215	CNTT2704	Lương Mạnh Thân	25/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
216	CNTT2705	Ma Viết Thiện	07/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt
217	CNTT2706	Nguyễn Thị Thoa	02/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
218	CNTT2707	Đàm Văn Thơ	02/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt
219	CNTT2708	Lý Thị Ngọc Thơ	26/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt
220	CNTT2709	Hoàng Thanh Thu	29/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt
221	CNTT2710	Nguyễn Thị Thu	10/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt
222	CNTT2711	Dương Thanh Thủy	16/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
223	CNTT2712	Ngô Xuân Thủy	12/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
224	CNTT2713	Nguyễn Thị Thanh Thủy	30/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
225	CNTT2714	Hứa Xuân Thực	01/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
226	CNTT2715	Lưu Trung Thực	09/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt
227	CNTT2716	Đàm Thị Thương	23/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
228	CNTT2717	Hoàng Văn Thương	25/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
229	CNTT2718	Hoàng Văn Thương	19/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
230	CNTT2719	Vi Minh	Tiến	28/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,5	Đạt
231	CNTT2720	Triệu Thị	Tĩnh	08/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	Đạt
232	CNTT2721	Linh Văn	Toàn	20/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,0	Đạt
233	CNTT2722	Vi Văn	Toàn	11/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
234	CNTT2723	Chu Tiến	Tới	11/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	6,0	Đạt
235	CNTT2724	Hoàng Thị Minh	Trang	11/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
236	CNTT2725	Phùng Quỳnh	Trang	21/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
237	CNTT2726	Triệu Thùy	Trang	17/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt
238	CNTT2727	Vũ Thùy	Trang	22/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
239	CNTT2728	Vy Thị Thùy	Trang	25/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	Đạt
240	CNTT2729	Nguyễn Hoàng	Trương	29/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
241	CNTT2731	Trần Thanh	Tú	17/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt
242	CNTT2732	Lê Văn	Tuấn	19/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
243	CNTT2733	Trần Anh	Tuấn	07/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt
244	CNTT2734	Lý Thanh	Tùng	07/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
245	CNTT2735	Nguyễn Đình	Tùng	21/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
246	CNTT2736	Trần Thanh	Tùng	05/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt
247	CNTT2737	Phạm Thanh	Tuyền	04/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
248	CNTT2738	Đàm Thị Kim	Uyên	16/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,5	Đạt
249	CNTT2739	Phùng Thị Cẩm	Vân	27/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
250	CNTT2740	Triệu Thị Thanh	Vân	21/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
251	CNTT2741	Bùi Quốc	Việt	07/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
252	CNTT2742	Vi Hoàng	Việt	15/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
253	CNTT2743	Triệu Văn	Vinh	28/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt
254	CNTT2744	Đặng Văn	Vũ	28/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
255	CNTT2745	Hoàng Minh	Vũ	25/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,0	Đạt
256	CNTT2746	Lăng Tuấn	Vũ	15/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
257	CNTT2747	Nông Văn	Vũ	26/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
258	CNTT2748	Nguyễn Thị Minh	Ánh	27/08/1998	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt
259	CNTT2749	Hứa Thị	Bắc	11/07/1974	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	8,5	Đạt
260	CNTT2751	Hoàng Thị Diệu	Chinh	16/09/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	8,0	Đạt
261	CNTT2752	Vy Thị	Dung	28/03/1996	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt
262	CNTT2753	Linh Minh	Đông	08/04/1994	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,2	7,5	Đạt
263	CNTT2754	Vi Thị	Hằng	07/10/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	7,0	Đạt
264	CNTT2755	Phùng Thị	Huệ	08/10/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	7,0	Đạt
265	CNTT2756	Dương Ngọc	Hùng	18/11/1994	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt
266	CNTT2757	Nông Văn	Khỏe	10/11/1983	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	6,5	Đạt
267	CNTT2758	Triệu Văn	Khôn	23/07/1992	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,2	7,5	Đạt
268	CNTT2759	Ngô Thị	Loan	13/03/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	6,5	Đạt
269	CNTT2760	Nguyễn Viết	Mạnh	20/08/1996	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	7,0	Đạt
270	CNTT2761	Giáp Văn	Nam	02/09/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt
271	CNTT2762	Bùi Thị	Ngoan	07/02/1980	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
272	CNTT2763	Ngô Thị Nguyên	15/08/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt
273	CNTT2764	Trần Thị Như Quỳnh	23/08/1984	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
274	CNTT2765	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/10/1996	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,5	7,0	Đạt
275	CNTT2766	Vi Xuân Vũ	11/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
276	CNTT2767	Đỗ Quý Vương	27/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
277	CNTT2768	Nguyễn Minh Vương	18/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt
278	CNTT2769	Hoàng Hải Yến	30/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt
279	CNTT2770	Nguyễn Thị Phương Yến	02/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt
280	CNTT2771	Vũ Thị Yến	15/03/2000	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	8,5	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 280./.